

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

SỐ TỔNG KẾT QUÝ III - RA NGÀY 31/10/2025



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
Phuongpn.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Email:
tuoanhbta@gmail.com;

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
34/GP-XBBT ngày 25/8/2025

TÌNH HÌNH CHUNG	2
THỊ TRƯỜNG CAO SU	3
THỊ TRƯỜNG CHÈ	10
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	14
THỊ TRƯỜNG THỊT	20
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	25

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

► **Cao su:** Trong quý III năm nay, giá cao su thế giới giảm do nguồn cung tăng mạnh trong mùa khai thác cao điểm, cùng với lo ngại trước tác động của chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ. Bước sang tháng 10/2025, giá cao su thế giới tiếp tục giảm trong phần lớn thời gian của tháng, nhưng đã đảo chiều và tăng mạnh trở lại vào cuối tháng.

► **Chè:** Trong 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Sri Lanka tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu chè của Ấn Độ trong 8 tháng đầu năm 2025 tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2024.

► **Rau quả:** Giá dừa thơm tại Thái Lan giảm mạnh, người trồng dừa Thái Lan mong

muốn nhà nước đưa ra các biện pháp bình ổn giá và giúp khôi phục khả năng cạnh tranh tại thị trường Trung Quốc. Xuất khẩu chuối của Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ vẫn tiếp tục tăng trong năm 2025, bất chấp mức thuế cao hơn.

► **Thịt:** Tháng 9/2025, chỉ số giá thịt của FAO tăng 0,9% so với tháng trước đó, đạt mức cao kỷ lục 127,8 điểm. Trong 9 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc tăng nhập khẩu thịt trâu, bò, trong khi giảm nhập khẩu thịt gia cầm.

► **Thủy sản:** Trong 8 tháng đầu năm 2024, ngành tôm Ê-cu-a-đo tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Ngành nuôi tôm sú của Ấn Độ đang phục hồi với các mô hình nuôi trồng và chuỗi cung ứng đang được cải tiến toàn diện.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

► **Cao su:** Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý III/2025 tăng 92,4% về lượng và tăng 81% về trị giá so với quý II/2025, tăng 1,5% về lượng và tăng 0,8% về trị giá so với quý III/2024. Thị phần cao su của Việt Nam tại 3 trong số 5 thị trường nhập khẩu lớn nhất giảm.

► **Chè:** 9 tháng năm 2025, xuất khẩu chè của Việt Nam giảm 9,2% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU và Anh tăng, nhưng trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, Pa-ki-xtan và thị trường Hồng Kông giảm.

► **Rau quả:** Xuất khẩu rau quả của Việt Nam quý III/2025 tăng mạnh so với quý trước

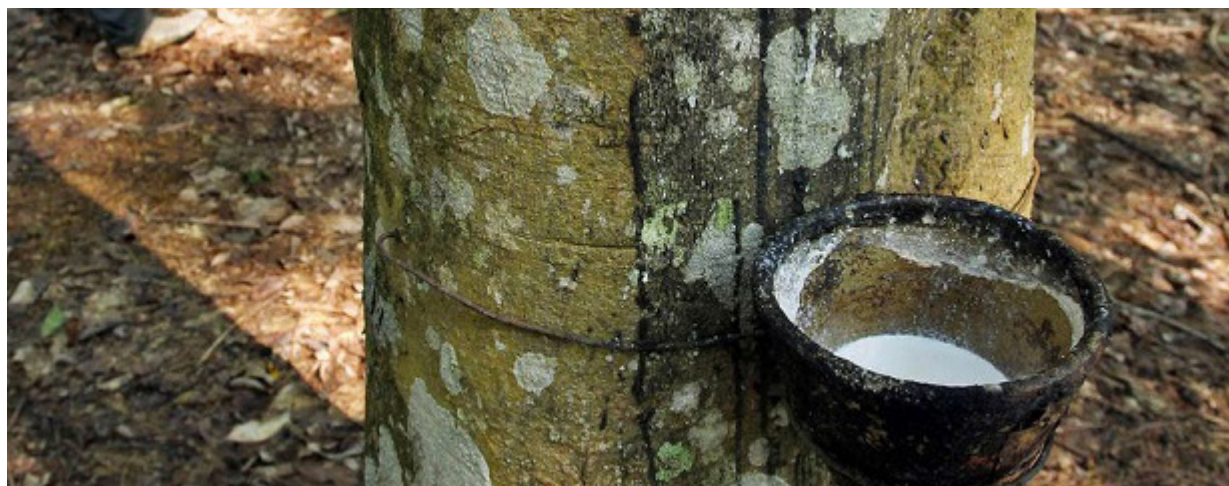
và cùng kỳ năm trước. Hàng rau quả của Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nhập khẩu của các thị trường lớn trên thế giới.

► **Thịt:** Trong tháng 10/2025, giá lợn hơi trên cả nước tăng giảm trái chiều so với tháng 9/2025, dao động khoảng 52.000 - 57.000 đồng/kg. Quý III/2025, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi nhập khẩu tăng.

► **Thủy sản:** 9 tháng năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng 13% về trị giá so với 9 tháng năm 2024. Nhu cầu nhập khẩu thủy sản tại các thị trường lớn trên thế giới tăng, tạo ra triển vọng cho thủy sản Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong quý III năm nay, giá cao su thế giới giảm do nguồn cung tăng mạnh trong mùa khai thác cao điểm, cùng với lo ngại trước tác động của chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ. Bước sang tháng 10/2025, giá cao su thế giới tiếp tục giảm trong phần lớn thời gian của tháng, nhưng đã đảo chiều và tăng mạnh trở lại vào cuối tháng.
- ▶ Xuất khẩu cao su của Việt Nam quý III/2025 tăng 92,4% về lượng và tăng 81% về trị giá so với quý II/2025, tăng 1,5% về lượng và tăng 0,8% về trị giá so với quý III/2024.
- ▶ Trong các tháng đầu năm 2025, nhập khẩu cao su của các quốc gia tiêu thụ hàng đầu nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, thị phần của Việt Nam tại 3 trong số 5 thị trường nhập khẩu lớn nhất giảm, cho thấy mức độ cạnh tranh giữa các nhà cung cấp đang ngày càng gay gắt.



THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Trong quý III năm nay, giá cao su thế giới chịu áp lực giảm do nguồn cung tăng mạnh trong mùa khai thác cao điểm tại khu vực Đông Nam Á, cùng với lo ngại nhu cầu suy yếu trước tác động của chính sách thuế đối ứng do Hoa Kỳ áp dụng. Giá cao su RSS3 tại Thái Lan đã giảm tới 9,5% trong quý vừa qua, xuống còn 67,5 Baht/kg. Tương tự, giá cao su RSS3 tại Nhật Bản giảm 2,9%, còn 305,4 Yên/kg. Riêng tại Trung Quốc, giá cao su tự nhiên điều chỉnh tăng 4,6%, đạt 14.490 NDT/tấn.

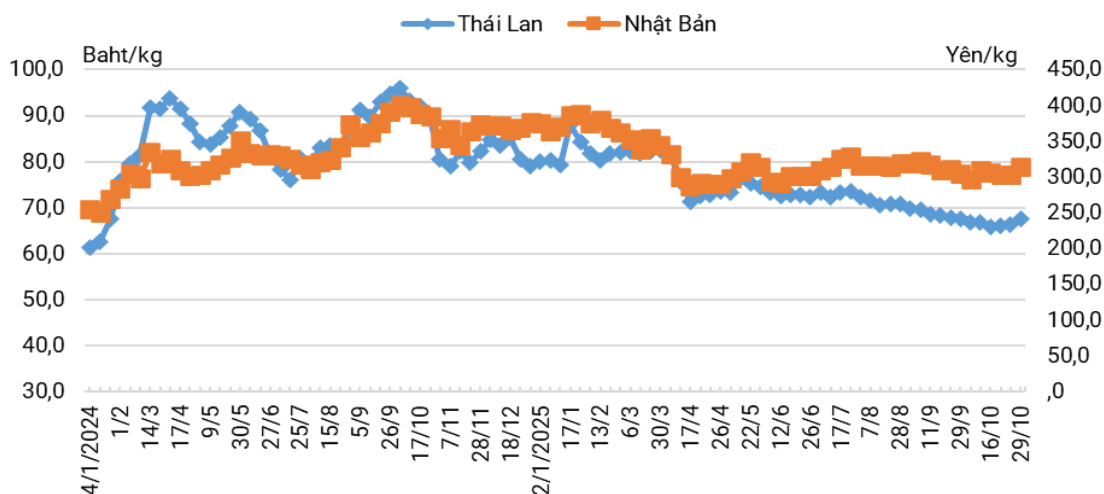
Sang tháng 10/2025, giá cao su thế giới

tiếp tục giảm trong phần lớn thời gian của tháng, nhưng đã đảo chiều và tăng mạnh trở lại vào cuối tháng.

+ Ngày 29/10, giá cao su RSS3 kỳ hạn tháng 11/2025 trên Sở Giao dịch Hàng hóa Osaka (OSE) tại Nhật Bản đạt 314 Yên/kg, tăng 2,8% (tăng 8,6 Yên/kg) so với cuối tháng 9/2025.

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS3 hợp đồng giao kỳ hạn tháng 11/2025 ngày 29/10/2025 tăng nhẹ 0,1% (tăng 0,1 Baht/kg) so với cuối tháng trước, đạt 67,6 Baht/kg.

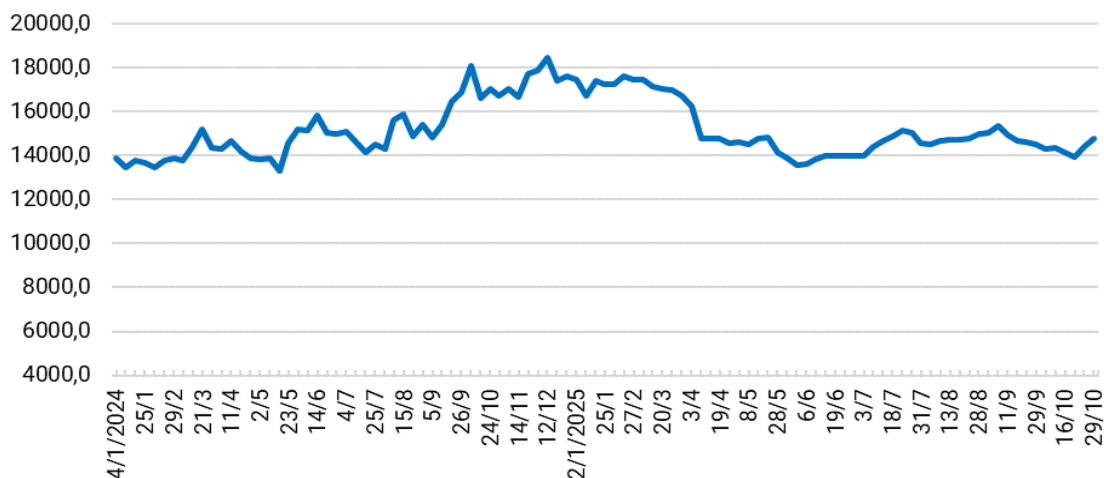
Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan và sàn OSE Nhật Bản từ đầu năm 2024 đến nay



Nguồn: cf.market-info.jp và thainr.com

+ Trên Sàn Giao dịch Hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE) - Trung Quốc, ngày cuối tháng 9/2025, lên 14.795 NDT/tấn; Hợp đồng giao kỳ hạn tháng 1/2026 tăng 1,1%, đạt 29/10/2025, giá cao su tự nhiên kỳ hạn tháng 15.550 NDT/tấn. 11/2025 tăng 2,1% (tăng 305 NDT/tấn) so với

Diễn biến giá cao su tự nhiên tại sàn SHFE từ đầu năm 2024 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

Giá cao su cuối tháng 10/2025 tăng do hoạt động khai thác cao su tại Đông Nam Á - khu vực sản xuất lớn nhất thế giới - bị gián đoạn do mưa lớn kéo dài tại Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, không chỉ làm giảm sản lượng mủ trong mùa cao điểm, mà còn gây khó khăn cho khâu vận chuyển và logistics. Giới phân tích nhận định nguồn

cung có thể phục hồi trong quý IV nếu điều kiện thời tiết cải thiện, trong khi nhu cầu vẫn duy trì tích cực nhờ hoạt động sản xuất lốp xe ổn định.

Bên cạnh đó, các số liệu công nghiệp khả quan từ Trung Quốc – nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới, cùng với kỳ vọng quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc hạ nhiệt đã nâng đỡ tâm lý thị trường và củng cố triển vọng tiêu thụ trong ngắn hạn.

Theo Công ty nghiên cứu Chaos Tiancheng Research (Trung Quốc), nguồn cung cao su dự kiến sẽ tăng trong quý IV, song nhu cầu vẫn được hỗ trợ tốt nhờ tỷ lệ hoạt động ổn định của các nhà máy và xuất khẩu lốp xe tăng trưởng vững chắc, đưa thị trường cao su vào giai đoạn tăng kép cả về nguồn cung lẫn cầu.

Còn theo nhà cung cấp dữ liệu Zhuochuang Information, tỷ lệ vận hành tại hầu hết các ngành sản xuất hạ nguồn tại Trung Quốc vẫn tương đối ổn định, trong khi nhiều doanh nghiệp tranh thủ mua cao su khi giá còn ở

mức thấp để bổ sung hàng tồn kho.

Ở diễn biến khác, Ủy ban châu Âu (EC) đã đề xuất nói lỏng thêm quy định trong Luật chống phá rừng của EU (EUDR), giúp giảm bớt gánh nặng báo cáo cho nhiều hộ sản xuất nhỏ và doanh nghiệp. Luật này dự kiến có hiệu lực vào ngày 30/12/2025, song việc kiểm tra và thực thi đối với các công ty lớn sẽ chỉ bắt đầu từ 30/6/2026. Công ty tư vấn Helixtap Technologies chuyên về thị trường cao su cho biết, quy định mới không gây thay đổi lớn về nhu cầu, vì phần lớn người tiêu dùng đã chuẩn bị trước khi luật được áp dụng, tuy nhiên có thể hỗ trợ giá cao su được sản xuất theo tiêu chuẩn EUDR, vốn đã bị nén trong vài tháng gần đây.

Tại Thái Lan, trong 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su thiên nhiên và cao su hỗn hợp của Thái Lan đạt 3,247 triệu tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, riêng xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 2 triệu tấn, tăng 26% và chiếm 61,6% thị phần.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

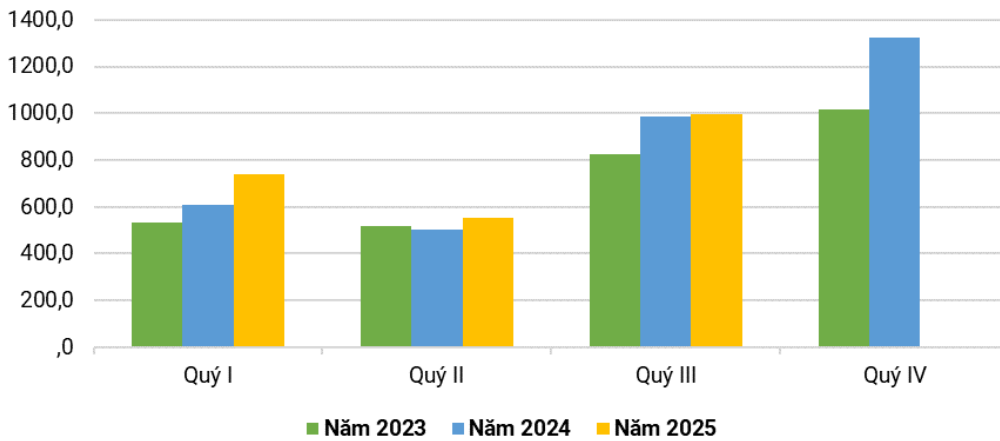
Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý III/2025 đạt 598.094 tấn, trị giá 995,1 triệu USD, tăng mạnh 92,4% về lượng và tăng 81% về trị giá so với quý II/2025, đồng thời tăng 1,5% về lượng và tăng 0,8% về trị giá so với quý III/2024. Sự gia tăng so với quý trước chủ yếu là do yếu tố mùa vụ, khi cây cao su bước vào giai đoạn khai thác cao điểm trong năm. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, Việt Nam đã xuất khẩu tổng cộng 1,29 triệu tấn cao su, giảm nhẹ 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, nhờ giá



duy trì ở mức cao, nên trị giá xuất khẩu vẫn tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 2,3 tỷ USD.

Trị giá xuất khẩu cao su qua các quý từ năm 2023 – 2025

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về thị trường và khu vực:

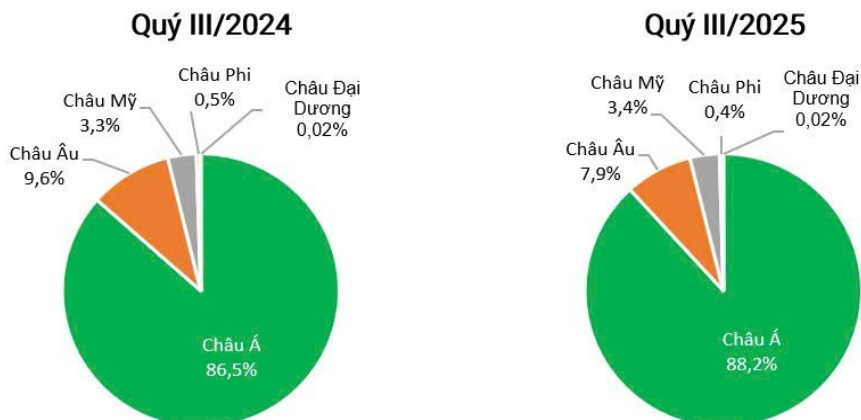
Trong quý III/2025, châu Á tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực của cao su Việt Nam, chiếm tới 88,2% tổng trị giá xuất khẩu, đạt 878,41 triệu USD, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất, đạt 727,75 triệu USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu tới các thị trường chủ chốt khác như Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a cũng ghi nhận

mức tăng lần lượt 23% và 100%, đạt khoảng 21–22 triệu USD. Ngược lại, trị giá xuất khẩu cao su sang Ấn Độ giảm mạnh gần 47% so với quý III/2024, xuống còn 46,95 triệu USD.

Lũy kế 9 tháng năm 2025, xuất khẩu cao su sang khu vực châu Á đạt 2 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước. Đà tăng trưởng này chủ yếu nhờ tăng xuất khẩu tới Trung Quốc, Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a, đã bù đắp cho sự sụt giảm xuất khẩu tới thị trường Ấn Độ.

Cơ cấu khu vực xuất khẩu cao su của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)



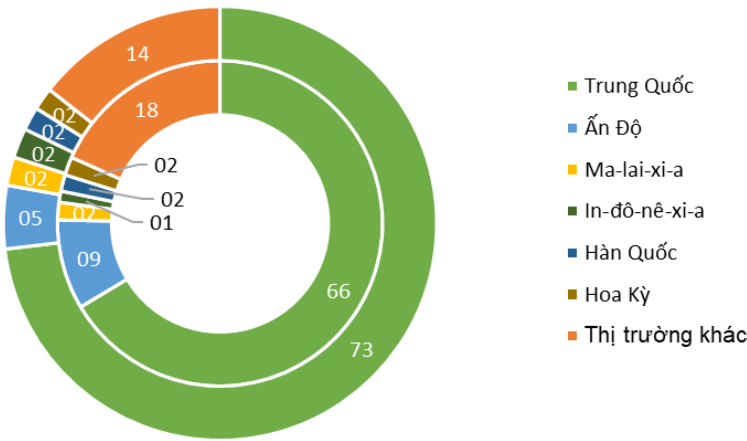
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Đáng chú ý, Châu Mỹ là điểm sáng mới với trị giá tăng 4,3% trong quý III và tăng 19,6% sau 9 tháng đầu năm 2025, đạt gần 85 triệu USD, nhờ tăng trưởng xuất khẩu tới Hoa Kỳ, Ca-na-đa và Mê-hi-cô. Tuy nhiên, sau khi đẩy mạnh mua vào trong nửa đầu năm để tránh tác động của thuế đối ứng, trị giá xuất khẩu cao su tới Hoa Kỳ đã chững lại và giảm 7,5% trong quý III vừa qua.

Ngược lại, xuất khẩu cao su sang châu Âu giảm 17,6% trong quý III và giảm 9,4% sau 9 tháng đầu năm 2025, còn 176,75 triệu USD, giữ vị trí khu vực nhập khẩu lớn thứ hai của Việt Nam.

Xuất khẩu cao su tới các thị trường châu Phi và châu Đại Dương cũng giảm lần lượt 10,2% và 5,6% trong quý III, đồng thời giảm 3,6% và 14,1% trong 9 tháng đầu năm 2025.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý III/2024 (vòng trong) và quý III/2025 (vòng ngoài) (ĐVT: % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về chủng loại:

Trong quý III/2025, cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục có sự dịch chuyển rõ rệt. Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS 400280) vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 59% tổng trị giá xuất khẩu, đạt 586,02 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu nhờ nhu cầu phục hồi từ thị trường Trung Quốc.

Đứng thứ hai là xuất khẩu cao su Latex đạt 140,8 triệu USD, tăng 22,2% và chiếm 14,1% tổng trị giá. Bên cạnh đó, xuất khẩu cao su hỗn hợp (HS 4005) tăng gấp 5 lần so với quý III/2024, đạt 13 triệu USD.

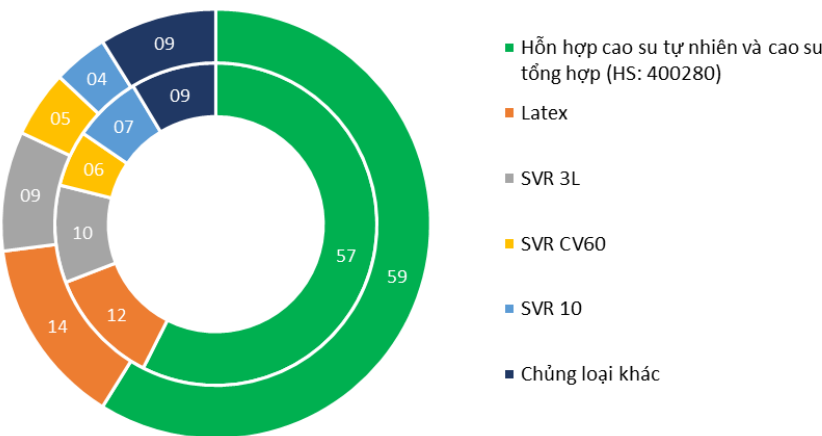
Tuy nhiên, nhiều chủng loại như SVR 3L, SVR 10, SVR CV60 và RSS 3 ghi nhận mức giảm so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, mặc dù sản lượng xuất khẩu của các chủng loại biến động không đồng nhất, nhưng nhìn chung trị giá vẫn tăng so với cùng kỳ nhờ mặt bằng giá bán cao hơn. Chỉ một số chủng loại như SVR 10, cao su tái sinh, SVR 20 và RSS 4 ghi nhận mức giảm xuất khẩu.

Giá bình quân cao su xuất khẩu của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1.767 USD/tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2024. Dù vậy, tính riêng trong quý III/2025, giá bình

quân xuất khẩu đã giảm 5,9% so với quý III/2024, ở mức 1.664 USD/tấn. II/2025 và giảm 0,7% so với quý III/2024, ở

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong quý III/2024 (vòng trong) và quý III/2025 (vòng ngoài) (Tỷ trọng % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tính đến hết quý III/2025, ngoại trừ sự sụt giảm nhẹ tại thị trường EU, trị giá nhập khẩu cao su của các quốc gia tiêu thụ hàng đầu nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, thị phần của Việt Nam lại giảm tại 3 trong số 5 thị trường nhập khẩu lớn nhất, phản ánh mức độ cạnh tranh giữa các nhà cung cấp ngày càng gay gắt.

Trung Quốc: Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, 9 tháng đầu năm 2025, quốc gia tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới đã nhập khẩu tổng cộng 6,3 triệu tấn cao su các loại, trị giá 11,9 tỷ USD, tăng 18,3% về lượng và tăng 32,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trong đó, Thái Lan là nguồn cung cao su lớn nhất cho Trung Quốc, với 2,2 triệu tấn, trị giá 4,14 tỷ USD, tăng mạnh 24,4% về lượng và tăng 46,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Đứng thứ hai là nguồn cung cấp từ Việt Nam với 909.071 tấn, trị giá 1,63 tỷ USD, giảm

1,2% về lượng, nhưng tăng 18,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cao su của Việt Nam trong tổng trị giá cao su nhập khẩu vào Trung Quốc thu hẹp từ 15,4% xuống còn 13,7% trong 9 tháng đầu năm 2025.

Ngoài hai nguồn cung lớn nhất nêu trên, Trung Quốc còn nhập khẩu cao su từ một số thị trường lớn khác như: Nga đạt 551.691 tấn, tăng 7,6%; Malaysia đạt 473.846 tấn, giảm 11,1%; Bờ Biển Ngà đạt 336.242 tấn, tăng 32,5%...

Ấn Độ: Trị giá nhập khẩu cao su của Ấn Độ tăng mạnh hơn 20% trong 7 tháng đầu năm 2025, đạt 1,73 tỷ USD. Tuy nhiên, nhập khẩu từ Việt Nam lại giảm tới 30%, xuống chỉ còn 83 triệu USD, kéo theo đó là thị phần giảm từ 8,2% xuống chỉ còn 4,8%. Ngược lại, Ấn Độ tăng mạnh nhập khẩu cao su từ các nguồn cung khác như Ma-lai-xi-a (tăng 58,9%), Thái Lan (tăng 45,9%), In-đô-nê-xi-a (tăng 98,3%)...

EU: Theo số liệu của Cơ quan Thống kê

châu Âu, tính đến hết tháng 8/2025, EU đã nhập khẩu 1,4 triệu tấn cao su từ thị trường ngoài khối, trị giá 3,3 tỷ EUR (3,85 tỷ USD), giảm 11,4% về lượng và giảm nhẹ 0,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 12 cho EU, với khối lượng đạt 33.858 tấn, trị giá 64,4 triệu USD, giảm 21,1% về lượng và giảm 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần của Việt Nam giảm từ 2,1% xuống 1,9% trong 8 tháng đầu năm nay, là quốc gia duy nhất trong khu vực có trị giá xuất khẩu cao su sang EU sụt giảm.

Hoa Kỳ: Theo ITC, trị giá nhập khẩu cao su của thị trường Hoa Kỳ trong 7 tháng đầu năm 2025 đạt 2,53 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, nhập khẩu từ Việt Nam tăng tới 48%, lên mức 34,6 triệu USD. Việt Nam đứng thứ 19 về xuất khẩu cao su vào Hoa Kỳ, với thị phần tăng nhẹ từ mức 1% lên 4%. Dù vậy, mức thị phần này vẫn còn tương đối thấp so với các quốc gia cung cấp hàng đầu khác trong khu vực như In-đô-nê-xi-a (20,2%), Thái Lan (16,5%) và Ma-lai-xi-a (2,5%).

Ma-lai-xi-a: Ma-lai-xia đang nổi lên là một thị trường tiềm năng cho cao su Việt Nam. Trong 8 tháng đầu năm nay, nước này đã chi 1,7 tỷ USD để nhập khẩu cao su, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, Việt Nam trở thành nguồn cung lớn thứ 10 vào thị trường này, với trị giá đạt 47,86 triệu USD, tăng gấp 2,6 lần cùng kỳ năm trước. Thị phần cao su của Việt Nam tại Ma-lai-xi-a mở rộng từ 1,1% lên 2,8% trong 8 tháng đầu năm 2025.

Các số liệu trên cũng cho thấy thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào Trung Quốc, trong khi tại các thị trường tiêu thụ lớn khác, thị phần cao su của Việt Nam còn tương đối hạn chế. Do đó, để đẩy mạnh xuất khẩu cao su, các doanh nghiệp cần tiếp tục đa dạng hóa thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách áp dụng sản xuất bền vững và các tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng chuỗi giá trị xanh và hỗ trợ nông dân để nâng cao chất lượng sản phẩm.

**5 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới các tháng đầu năm 2025
và thị phần của Việt Nam (ĐVT: nghìn USD)**

		Trung Quốc	EU (từ ngoài khối)	Hoa Kỳ	Ấn Độ	Ma-lai-xi-a
Quý I/2025		4.398.525	1.671.110	1.055.698	688.861	787.394
Quý II/2025		3.739.900	1.560.420	1.109.759	765.043	573.281
Tháng 7		1.173.482	491.389	368.718	278.518	176.956
Tháng 8		1.219.912	437.679			180.887
Tháng 9		1.359.938				
Lũy kế từ đầu năm 2025		11.891.757	3.846.067	2.534.175	1.732.422	1.718.518
<i>Lũy kế năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (%)</i>		32,5	-0,1	8,0	20,2	1,9
Nhập khẩu từ Việt Nam		1.632.600	74.960	34.616	83.044	47.863
<i>Nhập khẩu từ Việt Nam so với cùng kỳ (%)</i>		18,1	-7,8	48,3	-30,0	157,1
Thị phần của Việt Nam các tháng đầu năm (%)	Năm 2024	15,4	2,1	1,0	8,2	1,1
	Năm 2025	13,7	1,9	1,4	4,8	2,8

Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Trung tâm Thương mại Quốc tế (Tỷ giá 1 EUR= 1,164 USD)

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ Trong 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Xri Lan- tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Xuất khẩu chè của Ấn Độ trong 8 tháng đầu năm 2025 tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Việt Nam giảm 9,2% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; Giá bình quân chè xuất khẩu đạt 1.720,4 USD/tấn, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Thị phần chè của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường EU và Anh tăng, nhưng giảm trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, Pa-ki-xtan và thị trường Hồng Kông.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Xri Lan-ca: Dẫn nguồn hirunews.lk, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca trong tháng 9/2025 đạt 23,8 nghìn tấn, tăng 20,1% so với tháng 9/2023. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 198,3 nghìn tấn, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, I-rắc là thị trường tiêu thụ trọng điểm, đạt 30,07 nghìn tấn trong 9 tháng đầu năm 2025, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Nga đạt 16,69 nghìn tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu Li-bi đứng thứ ba, đạt 15,94 nghìn tấn, tăng 154% so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp theo là xuất khẩu tới Thổ Nhĩ Kỳ đạt 15,26 nghìn tấn, tăng

14%; UAE đạt 14,3 nghìn tấn, giảm 18%; I-ran đạt 9 nghìn tấn, tăng 11%...

Ấn Độ: Dẫn nguồn newsarenaindia.com, theo số liệu do Hội đồng Chè Ấn Độ công bố, xuất khẩu chè của Ấn Độ trong 8 tháng đầu năm 2025 đạt 174,42 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu chè của Ấn Độ tăng cho thấy nhu cầu ổn định trên toàn cầu đối với các loại chè của quốc gia này.

Trong đó, lượng chè xuất khẩu của miền Bắc Ấn Độ đạt 113,14 nghìn tấn, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2024; Miền Nam đạt 61,28 nghìn tấn, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2024.

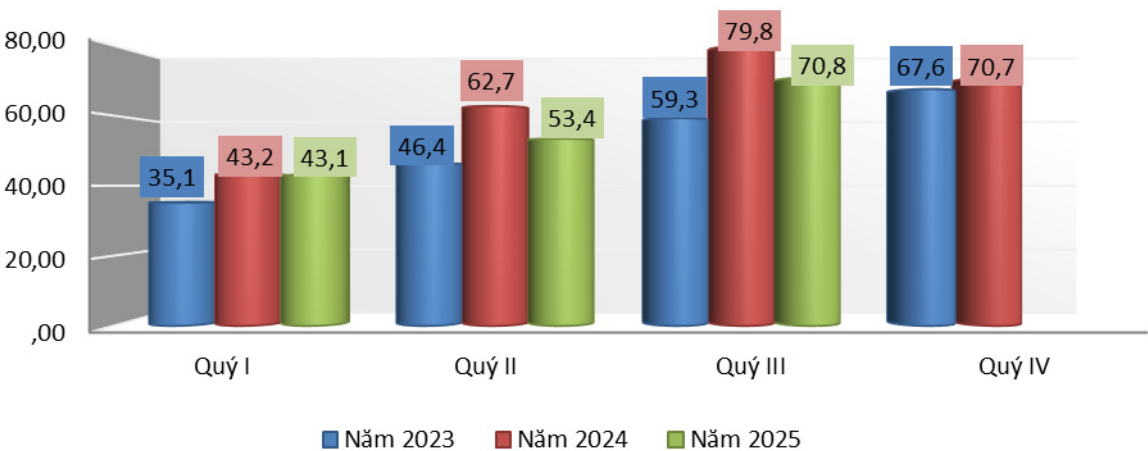
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, trong quý III/2025, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 39,3 nghìn tấn, trị giá 70,8 triệu USD, tăng 26,8% về lượng và tăng 32,5% về trị giá so với quý II/2025, nhưng giảm 12,9% về lượng và giảm 11,2% về trị giá so với quý III/2024. Giá bình quân chè xuất khẩu trong quý III/2025 đạt 1.799,6 nghìn USD/tấn, tăng 4,5% so với

quý II/2025 và tăng 1,9% so với quý III/2024.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè đạt 97,2 nghìn tấn, trị giá 167,3 triệu USD, giảm 9,2% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân chè xuất khẩu đạt 1.720,4 USD/tấn, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu chè của Việt Nam theo quý giai đoạn năm 2023 – 2025
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Cục Hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2025, Châu Á tiếp tục khẳng định vai trò là thị trường chủ lực đối với xuất khẩu chè của Việt Nam, chiếm 88,1% tổng trị giá xuất khẩu, đạt 86,3 nghìn tấn, trị giá 147,4 triệu USD, giảm 16,2% về lượng và giảm 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Giá bình quân chè xuất khẩu tới khu vực châu Á đạt 1.709,2 USD/tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy áp lực cạnh tranh về giá tại khu vực lớn nhất. Trong khu vực châu Á, chè xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Pa-ki-xtan, đạt 35,4 nghìn tấn, trị giá 68,9 triệu USD, giảm 0,3% về lượng và giảm 7,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Tiếp theo là khu vực châu Âu, mặc dù xuất khẩu chè sang khu vực này giảm mạnh về khối lượng là 16,2% và trị giá giảm 7,3%, tuy nhiên giá bình quân xuất khẩu sang khu vực này tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 1.996,9 USD/tấn. Mức tăng giá này cho thấy chè xuất khẩu sang Châu Âu đang có xu hướng dịch chuyển sang các sản phẩm có chất lượng cao hơn, tập trung vào các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn khắt khe của khu vực này.

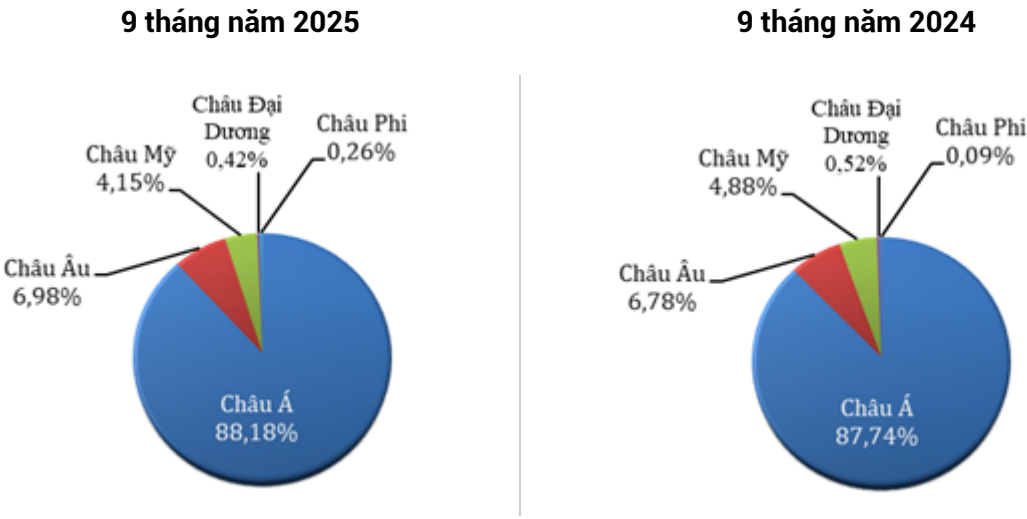
Đáng chú ý, xuất khẩu chè sang khu vực Châu Phi tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng ghi nhận tăng trưởng cao trong 9 tháng đầu

năm 2025, đạt 344 tấn, trị giá 441,3 nghìn USD, tăng 158,6% về lượng và tăng 169,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Như vậy, xuất khẩu chè của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025 giảm chủ yếu do xuất khẩu sang khu vực chủ lực là Châu Á giảm, cùng với xuất khẩu sang khu vực Châu Mỹ và Châu Đại Dương cũng giảm đáng kể.

Tuy nhiên, kết quả đạt được về giá bình quân tăng tại Châu Âu và mức tăng trưởng mạnh về lượng và trị giá xuất khẩu tới Châu Phi là những tín hiệu tích cực. Những điểm sáng này mở ra hướng đi chiến lược mới: Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu song song với nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm chè, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả hơn cho ngành chè Việt Nam.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu chè sang các châu lục
(Tỷ trọng % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) và cơ quan quan thống kê các nước, nhu cầu nhập khẩu chè tại nhiều thị trường lớn trên thế giới trong 7 và 8 tháng đầu năm 2025 phục hồi tích cực, điều này cho thấy sự ổn định trở lại của chuỗi cung ứng và tiêu dùng. Đây là tín hiệu khả quan cho hoạt động xuất khẩu chè của Việt Nam trong thời gian tới.

Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia xuất khẩu chè lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, tỷ trọng chè Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của nhiều thị trường trọng điểm vẫn ở mức thấp.

Diễn biến tại các thị trường nhập khẩu chè chính trên thế giới như sau:

EU tiếp tục là khu vực nhập khẩu chè lớn nhất toàn cầu, đạt 824 triệu USD trong 7 tháng đầu năm 2025, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, thị phần chè Việt Nam tại EU chỉ chiếm 0,26%, chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng nhập khẩu của thị trường này. EU hiện áp dụng nhiều tiêu chuẩn về phát triển bền vững, sản xuất xanh và an toàn thực phẩm. Do đó, doanh nghiệp cần cập nhật, tuân thủ quy định mới để tăng khả năng tiếp cận thị trường.

Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ, trong 7 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè của Hoa Kỳ đạt 336 triệu USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, trị giá nhập khẩu chè từ Việt Nam chỉ chiếm 1,67% tổng trị giá nhập khẩu chè vào Hoa Kỳ, giảm 0,14 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2024. Hoa Kỳ là thị trường có yêu cầu cao về chất lượng, nguồn cung cấp có nguồn gốc và an toàn vệ sinh thực phẩm, Hoa Kỳ là thị trường tiềm năng do nhu cầu thu nhập và tiêu dùng của người dân đang hồi phục mạnh.

Nhập khẩu chè của Pa-ki-xtan trong 7 tháng đầu năm 2025 đạt 245 triệu USD, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần của Việt Nam tại thị trường này giảm còn 0,33% từ mức 0,35% trong 7 tháng đầu năm 2024. Mặc dù là nước tiêu thụ chè lớn thứ hai thế giới, song doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong tiếp cận do hạn chế về thông tin thị trường và rào cản kỹ thuật.

Trị giá nhập khẩu chè của Anh trong 7 tháng đầu năm 2025 đạt 220 triệu USD, tăng 2,5% so

với cùng kỳ năm 2024. Thị phần của Việt Nam chiếm 0,16%, tăng nhẹ so với mức 0,14% trong cùng kỳ năm 2024. Đây là thị trường truyền thống, tiềm năng cho các sản phẩm chè chất lượng cao, chè hữu cơ và chè đặc sản.

Nhập khẩu chè của thị trường Hồng Công trong 8 tháng đầu năm 2025 đạt 48 triệu USD, giảm 35,9% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần chè Việt Nam tại thị trường Hồng Kông giảm từ 0,05% xuống còn 0,01% trong 8 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè tại của thị trường giảm là do nhu cầu tiêu dùng và tranh gay gắt từ các nguồn cung cấp khác tại thị trường này.

Số liệu thống kê cho thấy, xu hướng phục hồi nhập khẩu tại các trường thị trường lớn là tích cực, đây là tín hiệu khả quan cho xuất khẩu chè Việt Nam. Tuy nhiên, để tăng thị phần và trị giá xuất khẩu chè, doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư vào công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng thương hiệu chè Việt Nam gắn với hình ảnh sản phẩm sạch, bền vững và có giá trị gia tăng cao.

5 thị trường chính nhập khẩu chè trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam

Thị trường	6 tháng năm 2025		Các tháng tiếp theo năm 2025 (triệu USD)			Lũy kế so với cùng kỳ năm 2024 (%)	Thị phần của Việt Nam lũy kế (%)	
	Tổng nhập khẩu (Triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 7	Tháng 8	Lũy kế		Năm 2025	Năm 2024
EU	707	0,27	116		824	14,7	0,26	0,19
Hoa Kỳ	285	1,75	51		336	7,8	1,67	1,81
Pa-ki-xtan	210	0,39	35		245	-19,9	0,33	0,35
Anh	190	0,18	30		220	2,5	0,16	0,14
Hồng Công	35	0,04	6	7	48	-35,9	0,01	0,05

*Nguồn: Eurostat, Hiệp hội chè Pa-ki-xtan, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, ITC; Cơ quan thống kê Hồng Công
(Tỷ giá Eur = 1,16 USD; 1 USD = 7,77 HKD)*

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ *Giá dừa thơm tại Thái Lan giảm mạnh, người trồng dừa Thái Lan mong muốn nhà nước đưa ra các biện pháp bình ổn giá và khôi phục khả năng cạnh tranh tại thị trường Trung Quốc.*
- ▶ *Xuất khẩu chuối của Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ vẫn tiếp tục tăng trong năm 2025, bất chấp mức thuế cao hơn.*
- ▶ *Xuất khẩu rau quả của Việt Nam quý III/2025 tăng mạnh so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.*
- ▶ *Hàng rau quả của Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nhập khẩu của các thị trường nhập khẩu lớn trên thế giới.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- **Thái Lan:** Ngành dừa thơm của Thái Lan đang trải qua giai đoạn suy thoái khi giá giảm xuống chưa đến một nửa chi phí sản xuất, gây thiệt hại tài chính lớn cho người trồng. Tính đến ngày 21/10/2025, giá dừa thơm tại vườn ở tỉnh Songkhla dao động từ 2 - 3 Baht (tương đương 0,05–0,08 USD) mỗi quả, so với chi phí sản xuất trung bình là 4–5 Baht (tương đương 0,11–0,14 USD) mỗi quả. Tại một số khu vực, người mua đã từ chối mua, khiến dừa bị bỏ hoang. Với sản lượng quốc gia ước tính đạt 500 triệu quả mỗi năm, cứ mỗi 1 Baht (0,03 USD) giảm giá sẽ gây thiệt hại khoảng 500 triệu Baht (tương đương 13,5 triệu USD) cho ngành dừa Thái Lan. Chất lượng không đồng đều và khả năng tiếp cận thị trường hạn chế là

những thách thức đối với người trồng dừa quy mô nhỏ tại Thái Lan. Người trồng dừa Thái Lan mong muốn nhà nước đưa ra các biện pháp bình ổn giá và giúp khôi phục khả năng cạnh tranh tại thị trường Trung Quốc.

- **Ê-cu-a-đo:** Bất chấp mức thuế quan cao hơn, xuất khẩu chuối của Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ vẫn tiếp tục tăng trong năm 2025. Theo Hiệp hội Xuất khẩu Chuối Ê-cu-a-đo (AEBE), xuất khẩu chuối của nước này sang Hoa Kỳ đã tăng 8,39% về khối lượng kể từ đầu năm, ngay cả khi thuế quan tăng từ 10% vào tháng 4 lên 15% vào tháng 8/2025.

Theo đó, 7 tháng đầu năm năm 2025, trị giá xuất khẩu chuối của Ê-cu-a-đo sang Hoa

Kỳ đạt 377 triệu USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2024. Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư của Ê-cu-a-đo sau Liên minh Châu Âu, Nga và Trung Đông.

Bên cạnh Hoa Kỳ và châu Âu, Ê-cu-a-đo đang tìm cách củng cố vị thế tại các thị trường châu Á, bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Với 310.000 ha diện tích trồng chuối và chuối lá, cùng với việc giảm thuế quan, đang giúp Ê-cu-a-đo cải thiện khả năng tiếp cận các thị trường này. Như với thị trường Hàn Quốc, khi thuế quan đối với chuối Ê-cu-a-đo được giảm từ 30% xuống 0% trong vòng một năm, trị giá xuất khẩu chuối của

Ê-cu-a-đo sang Hàn Quốc đã đạt 46 triệu USD vào năm 2024, tăng mạnh so với mức 15 triệu USD năm 2023; Tính đến tháng 7/2025, trị giá xuất khẩu đạt 33 triệu USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước.

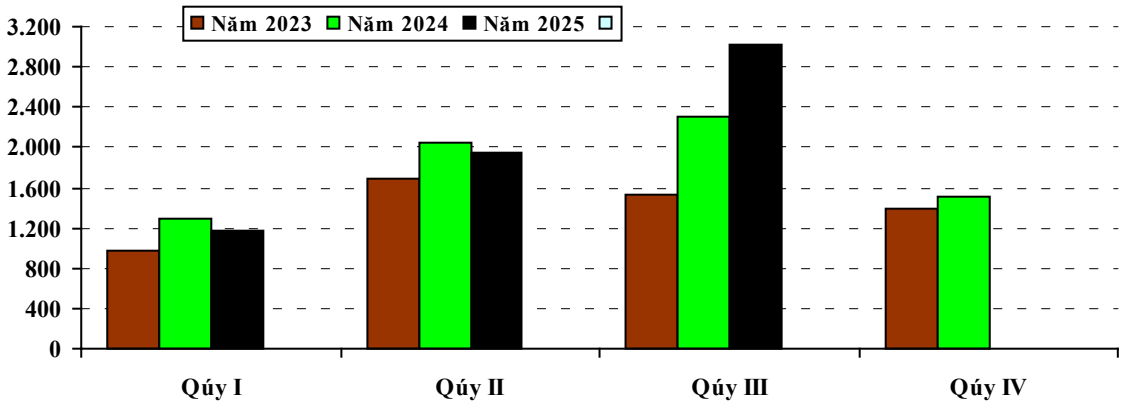
AEBE dự đoán xu hướng tương tự sẽ diễn ra tại Trung Quốc, nhờ Hiệp định Thương mại tự do có hiệu lực từ năm 2024 sẽ giảm thuế nhập khẩu một điểm phần trăm mỗi năm cho đến khi đạt 0% vào năm 2034. Các nhà xuất khẩu Ê-cu-a-đo coi đây là cơ hội tăng trưởng dài hạn được hỗ trợ bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với chuối cao cấp trên khắp châu Á.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong quý III/2025 đạt 3,21 tỷ USD, tăng

55,6% so với quý II/2025 và tăng 30,9% so với quý III/2024.

Tình hình xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam theo quý giai đoạn 2023 – 2025 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam

Về chủng loại:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, quả và quả hạch là chủng loại xuất khẩu lớn nhất trong quý III/2025, chiếm 78,7% tổng trị giá xuất khẩu hàng rau quả, đạt

2,401 tỷ USD, tăng 80,3% so với quý II/2025 và tăng 28,3% so với quý III/2024. Chủng loại quả và quả hạch chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc trong quý III/2025, ngoài

ra xuất khẩu nhiều sang các thị trường là Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất và Nhật Bản.

Trong nhóm quả và quả hạch xuất khẩu, sầu riêng là mặt hàng xuất khẩu chính và trị giá xuất khẩu tăng mạnh trong quý III/2025, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,94 tỷ USD. Tuy nhiên, tính chung 9 tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu sầu riêng của Việt Nam vẫn giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2,76 tỷ USD. Các mặt hàng trái cây xuất khẩu có trị giá lớn tiếp theo trong quý III/2025 gồm: thanh long, chuối, xoài, mít, dứa... đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, trị giá xuất khẩu quả vải quý III/2025 tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước, đưa trị giá xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2025 lên 73 triệu USD, tăng 312,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Trị giá xuất khẩu sản phẩm rau quả chế biến đứng vị trí thứ hai, chiếm 16,6% tổng trị giá xuất khẩu hàng rau quả trong quý III/2025, đạt 507 triệu USD, tăng 4% so với quý II/2025 và tăng 47,4% so với quý III/2024. Các sản phẩm chế biến được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Trung Quốc trong quý III/2025, ngoài ra còn xuất khẩu nhiều sang Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Hà Lan và Nhật Bản... So với cùng kỳ năm 2024, trị giá xuất khẩu hầu hết các mặt hàng rau quả chế biến của Việt Nam trong quý III/2025 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài 2 chủng loại xuất khẩu chính chiếm tỷ trọng cao, Việt Nam còn xuất khẩu một số chủng loại khác trong quý III/2025 là rau củ, hoa và lá. Tuy nhiên các chủng loại này đạt trị giá xuất khẩu còn thấp.

Chủng loại hàng rau quả của Việt Nam xuất khẩu trong quý III/2025

Chủng loại	Quý III/2025 (Nghìn USD)	So với quý I/2025 (%)	So với quý III/2024 (%)	9 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)
Quả và quả hạch	2.401.619	80,3	28,3	4.451.515	1,8
Sầu riêng	1.939.796	167,1	30,3	2.764.139	-1,7
Thanh long	109.353	-18,0	10,8	397.259	1,6
Chuối	71.540	-32,2	24,3	304.840	10,1
Xoài	47.826	-44,5	30,2	221.895	15,0
Mít	17.776	-66,5	52,2	141.459	-22,9
Dừa	41.089	5,3	19,6	131.346	16,8
Vải	32.981	-17,3	7.798,7	73.019	312,1
Hạt dẻ cười	33.621	36,8	302,5	70.029	162,9
Chanh	18.388	-27,4	22,0	62.643	28,2
Bưởi	18.231	-20,6	13,0	58.659	31,4
Chanh leo	11.053	-48,0	41,8	47.815	45,2
Dưa hấu	1.221	-87,7	11,5	36.503	-49,5
Nhãn	17.948	117,9	-49,7	36.109	-28,1
Macadamia	12.198	50,8	42,0	28.060	60,3
Hạnh nhân	8.591	-5,9	-22,1	24.651	12,2
Dứa	2.977	-21,9	158,1	8.831	111,8
ổi	1.701	-11,4	41,7	5.183	47,1
Chôm chôm	1.552	42,4	80,4	5.054	15,5

Chủng loại	Quý III/2025 (Nghìn USD)	So với quý I/2025 (%)	So với quý III/2024 (%)	9 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)
Trái cây	1.811	6,4	52,2	4.585	15,9
Dâu tây	2.830	110,9	832,9	4.174	974,0
Bơ	1.123	2,6	117,5	2.869	94,7
óc chó	1.120	47,8	24,4	2.677	28,4
Sản phẩm chế biến	507.036	4,0	47,4	1.339.751	38,3
Dừa	89.605	-6,9	48,7	259.519	54,8
Chanh leo	48.736	-28,4	53,4	138.355	35,0
Hạt dẻ cười	47.712	3,6	53,4	131.724	38,9
Hạnh nhân	51.139	48,2	123,6	110.425	88,5
Xoài	31.407	-14,6	28,8	97.961	10,7
Dứa	24.972	-24,2	75,9	78.488	93,1
Hạt mè	10.144	-13,7	-34,5	32.477	-28,2
Mít	11.031	28,5	93,0	25.171	15,2
Nhãn	22.720	3.090,4	1.220,7	23.444	295,8
Dưa chuột	6.878	-20,3	-2,1	23.113	-2,4
Cà tím	5.614	-23,3	15,0	17.597	27,4
Khoai lang	5.694	4,6	1,4	15.755	0,3
Vải	10.319	275,8	160,8	15.670	52,7
Dưa hấu	4.052	-30,9	-3,7	13.623	19,9
Rau củ	4.501	-6,6	38,0	13.353	35,7
ổi	3.437	-36,7	29,1	12.491	97,3
Khoai tây	4.977	37,6	61,9	11.443	9,9
Thanh long	5.122	47,7	-16,8	11.273	-9,6
Rau củ	110.155	-5,1	22,1	319.728	12,1
ớt	22.346	-43,4	48,7	88.454	19,7
Khoai lang	9.123	-18,9	10,1	27.479	1,5
Gừng	4.868	-41,1	-15,2	24.788	38,7
Ngô	5.755	-4,3	-8,7	18.139	18,0
Tỏi	8.174	61,9	192,5	17.806	102,5
Súp lơ	8.228	78,2	0,4	13.340	-17,6
Cải thảo	6.811	128,7	11,8	11.506	-9,5
Bắp cải	4.970	609,1	22,4	8.208	25,1
Cà rốt	206	-86,1	-29,8	7.657	43,6
Đậu bắp	2.582	-5,8	2,1	7.149	9,6
Nấm hương	2.646	-4,8	30,3	7.090	5,8
Nghệ	604	-84,8	-63,2	6.953	-51,5
Măng	2.938	52,7	50,3	6.872	30,7
Khoai tây	3.538	441,5	316,9	4.827	92,4
Xà lách	2.981	242,9	42,5	4.263	17,1
Sả	1.789	33,2	51,1	4.214	3,4
Đỗ xanh	1.589	-11,8	57,4	4.079	24,1
Đỗ tương	1.408	-0,5	48,2	3.772	1,1
Khoai môn	1.136	-32,8	2,1	3.701	2,5
Hành tây	1.961	191,9	24,3	3.698	51,7

Chủng loại	Quý III/2025 (Nghìn USD)	So với quý I/2025 (%)	So với quý III/2024 (%)	9 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)
Hoa	27.612	34,2	18,9	72.327	22,3
Hoa cúc	23.782	39,6	20,8	61.469	24,7
Hoa lan hồ điệp	1.783	-3,1	20,7	5.489	15,6
Hoa cát tường	561	2,6	2,6	1.658	5,6
Hoa cẩm chướng	513	14,6	15,2	1.326	7,4
Hoa ly	283	22,5	5,1	765	-5,1
Hoa lan vũ nữ	231	37,4	51,1	555	66,1
Hoa hồng	186	-6,3	18,8	553	16,7
Lá	3.398	26,9	7,7	9.677	24,1
Lá sắn	1.366	76,9	15,5	3.131	12,4
Lá nguyệt quế	375	42,3	-6,0	1.238	51,9
Lá tre	387	58,6	9,4	1.004	33,4
Lá khoai lang	380	33,3	47,7	1.004	57,4
Lá chuối	275	-19,6	-3,7	924	18,1
Lá chanh	227	-5,1	37,1	781	78,4

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Hoa Kỳ là một trong những thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới và xu hướng tiếp tục tăng trong năm 2025. Nguồn cung cấp chính hàng rau quả cho thị trường này là Mê-hi-cô, Ca-na-đa, Chi-lê và Pê-ru. Theo số liệu thống kê từ ITC, trong 7 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu hàng rau quả vào thị trường Hoa Kỳ đạt 36,9 tỷ USD, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu rau quả từ Việt Nam, tuy nhiên thị phần rau quả của Việt Nam tại Hoa Kỳ chỉ chiếm 1,4% tổng trị giá nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2025. Việt Nam có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ, nhất là với trái cây nhiệt đới (thanh long, xoài, chôm chôm, vải...), nhưng cần đáp ứng nghiêm ngặt tiêu chuẩn kiểm dịch, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chất lượng đồng đều. Ngoài ra, xuất khẩu sang thị trường này còn gặp nhiều thách thức là cạnh tranh cao, chi phí logistics

lớn, yêu cầu thị trường khắt khe.

Đức là thị trường nhập khẩu rau quả hàng đầu châu Âu. Theo số liệu thống kê từ ITC, trong 8 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu rau quả vào thị trường Đức đạt 25,7 tỷ USD, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, thị phần hàng rau quả của Việt Nam tại thị trường Đức chỉ chiếm 0,3% trong 8 tháng đầu năm 2025. Việt Nam có cơ hội xuất khẩu tốt sang Đức, nhất là với các loại trái cây nhiệt đới có lợi thế (xoài, thanh long, sầu riêng, chôm chôm...) và rau quả đặc sản ít cạnh tranh.

Trung Quốc tiếp tục là một trong những thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới trong 9 tháng đầu năm 2025. Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá nhập khẩu hàng rau quả vào thị trường Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 20,3 tỷ USD, tăng

5,8% so với cùng kỳ năm 2024. Trị giá nhập khẩu rau quả từ Việt Nam chiếm 20,0% tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2025, tăng so với mức 17,9% trong cùng kỳ năm 2024. Số liệu này cho thấy Việt Nam là thị trường quan trọng cung cấp hàng rau quả cho Trung Quốc. Với lợi thế vị trí địa lý gần, thời gian giao hàng nhanh, rau quả Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao về độ tươi và chất lượng. Tuy nhiên, để mở rộng thị phần, doanh nghiệp Việt Nam cần đáp ứng chặt chẽ các tiêu chuẩn của Trung Quốc về chất lượng, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc và bao bì.

Nhật Bản là thị trường nhập khẩu rau quả có tiềm năng tốt cho Việt Nam, đặc biệt với nhóm trái cây tươi nhiệt đới hoặc sản phẩm đặc thù. Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội và tiềm năng, doanh nghiệp cần tập trung vào chất lượng, khác biệt sản phẩm, và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường này. Theo số liệu thống kê từ ITC, nhập khẩu rau quả vào thị

trường Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2025 đạt 7,3 tỷ USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó thị phần hàng rau quả của Việt Nam tại thị trường này chiếm 2,8%.

Thị trường Đài Loan cũng là thị trường có triển vọng với hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam. Hàng rau quả Việt Nam đã từng bước tạo dựng được chỗ đứng tại thị trường này. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Tài chính Đài Loan, nhập khẩu rau quả vào thị trường Đài Loan trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1,6 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, thị phần hàng rau quả của Việt Nam tại thị trường này chiếm 9% trong 9 tháng đầu năm 2025. Các doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của thị trường tiềm năng này để nâng cao thị phần tại thị trường này trong thời gian tới. Các mặt hàng rau quả của Việt Nam có lợi thế xuất khẩu sang thị trường này là chuối, dưa, xoài, thanh long và rau quả chế biến...

5 thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam

Thị trường Thời gian	Hoa Kỳ	Đức	Trung Quốc	Nhật Bản	Đài Loan
7 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	36.935.323				
8 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)		25.712.838		7.346.721	
9 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)			20.311.539		1.600.558
Lũy kế từ đầu năm 2025 (nghìn USD)	36.935.323	25.712.838	20.311.539	7.346.721	1.600.558
Lũy kế năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (%)	1,4	13,9	5,8	6,1	13,3
Thị phần của Việt Nam (%)	1,4	0,3	20,0	2,8	9,0

*Nguồn: ITC, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Cơ quan Tài chính Đài Loan,
Ghi chú: Rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến có mã HS 06, 07, 20 và 08
(không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132)*

THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Tháng 9/2025, chỉ số giá thịt của FAO tăng 0,9% so với tháng trước đó, đạt mức cao kỷ lục 127,8 điểm.
- ▶ Trong 9 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc tăng nhập khẩu thịt trâu, bò, giảm nhập khẩu thịt gia cầm.
- ▶ Trong tháng 10/2025, giá lợn hơi trên cả nước tăng giảm trái chiều so với tháng 9/2025, dao động khoảng 52.000 - 57.000 đồng/kg.
- ▶ Quý III/2025, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi nhập khẩu tăng.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo FAO, chỉ số giá thịt trong tháng 9/2025 đạt trung bình 127,8 điểm, tăng 0,9 điểm (tương đương 0,7%) so với mức đã sửa đổi của tháng 8 và tăng 7,9 điểm (tương đương 6,6%) so với cùng kỳ năm trước, đạt mức cao kỷ lục mới. Trong đó:

Giá thịt bò hơi tăng lên mức cao kỷ lục, được hỗ trợ bởi nhu cầu cao từ Hoa Kỳ do nguồn cung trong nước giảm và chênh lệch

giá thúc đẩy nhập khẩu, đặc biệt là từ Úc. Tại Bra-xin, giá bò hơi cũng tăng, được hậu thuẫn bởi nhu cầu toàn cầu vững, bù đắp cho xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ bị giảm do mức thuế cao hơn được áp dụng.

Giá thịt lợn nhìn chung ổn định, do nhu cầu tăng từ các thị trường thay thế như Bra-xin đã bù đắp sự sụt giảm nhập khẩu từ Trung Quốc. Tại Liên minh châu Âu (EU), tác động của việc

Trung Quốc áp thuế mới đối với thịt lợn nhập khẩu chưa rõ rệt.

Thị trường thịt gia cầm thế giới nhìn chung ổn định, giá vẫn ở mức cao dù một số quốc gia tạm ngừng nhập khẩu vì các ổ dịch cúm gia cầm độc lực cao.

- Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 9 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu thịt và một số sản phẩm thịt như sau:

+ *Thịt trâu, bò*: Trong 9 tháng năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 2,12 triệu tấn thịt trâu, bò (HS 0201; 0202), trị giá 11,1 tỷ USD, tăng 1% về lượng và tăng 10,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường Bra-xin, Úc, Cô-lôm-bi-a, Nga, Pa-na-ma, Ni-ca-ra-goa... Trong đó, lượng thịt trâu, bò nhập khẩu vào Trung Quốc từ thị trường Úc, Cô-lôm-bi-a tăng mạnh về lượng, trong khi nhập khẩu từ các thị trường khác

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 10/2025, giá lợn hơi trên cả nước tăng giảm trái chiều so với tháng 9/2025, giá khảo sát ở các tỉnh, thành phố dao động khoảng 52.000 - 57.000 đồng/kg. Cụ thể:

Giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 54.000 - 56.000 đồng/kg, những ngày đầu tháng 10/2025 giá giảm từ 1.000 - 6.000 đồng/kg, sau tiếp tục giảm 4.000 - 7.000 đồng/kg, đến cuối tháng giảm thêm 1.000 - 4.000 đồng/kg so với tháng 9/2025.

Giá lợn hơi tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên dao động trong khoảng 53.000 -

đều giảm so với cùng kỳ năm 2024.

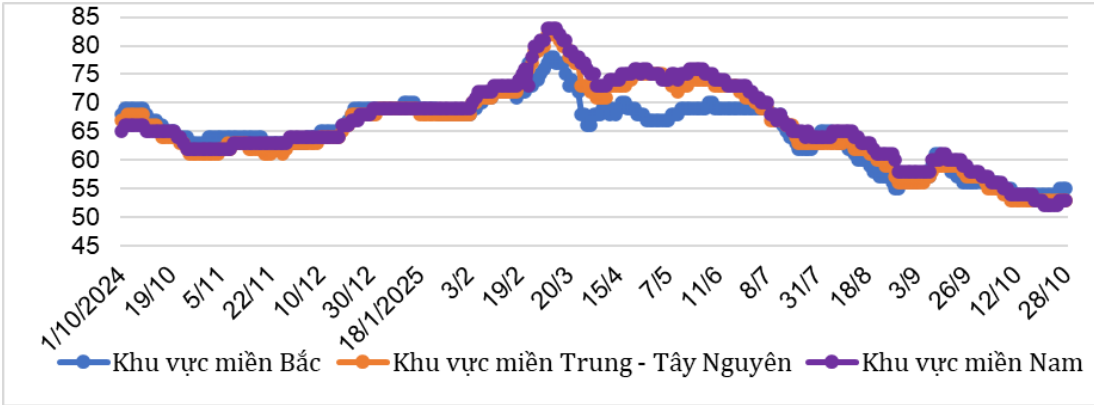
+ *Thịt gia cầm*: 9 tháng năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 544,57 nghìn tấn thịt và phụ phẩm của gia cầm (HS 0207), với trị giá 1,63 tỷ USD, giảm 21,7% về lượng và giảm 24,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Nga, Thái Lan, Hoa Kỳ, Bê-la-rút, Chi-lê... Trong đó, Trung Quốc tăng nhập khẩu thịt và phụ phẩm gia cầm từ Nga, nhưng giảm nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Bê-la-rút.

+ *Thịt lợn*: Trong 9 tháng năm 2025, lượng thịt lợn (HS 0203) nhập khẩu của Trung Quốc giảm 0,9%, nhưng trị giá tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 777,13 nghìn tấn, trị giá 1,56 tỷ USD. Các thị trường cung cấp thịt lợn cho Trung Quốc gồm Tây Ban Nha, Bra-xin, Hà Lan, Đan Mạch, Chi-lê, Anh, Pháp, Hoa Kỳ. Trong đó chỉ có lượng nhập khẩu từ Bra-xin giảm so với cùng kỳ năm 2024, còn nhập khẩu từ các thị trường đều tăng, đáng chú ý lượng nhập khẩu từ Nga tăng rất mạnh.

57.000 đồng/kg, trong những ngày đầu tháng giá lợn hơi tăng nhẹ, sau đó giảm từ 1.000 - 6.000 đồng/kg, đến giữa tháng giảm 6.000 đồng/kg, những ngày cuối tháng giảm tiếp từ 4.000 - 6.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 9/2025.

Giá lợn hơi tại khu vực miền Nam dao động trong khoảng 52.000 - 57.000 đồng/kg, những ngày đầu tháng giá lợn hơi giảm từ 1.000 - 6.000 đồng/kg, đến giữa tháng giảm 6.000 - 7.000 đồng/kg và cuối tháng tiếp tục giảm từ 5.000 - 8.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 9/2025.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước từ đầu tháng 10/2024 đến nay
(Đơn vị tính: nghìn đồng)



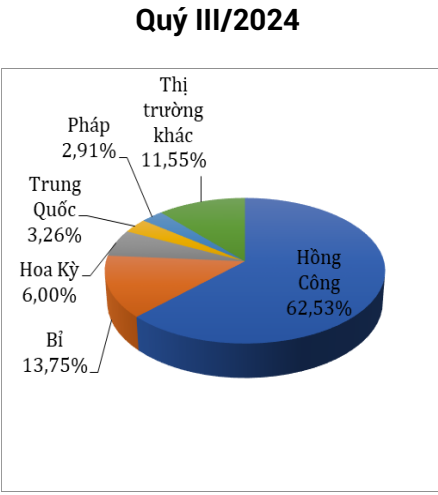
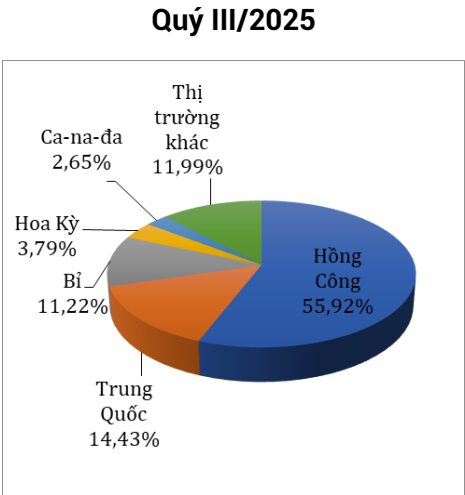
Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT CỦA VIỆT NAM QUÝ III/2025

+ Tình hình xuất khẩu: Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong quý III/2025, Việt Nam xuất khẩu 5,06 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 26,5 triệu USD, giảm 19,5% về lượng và giảm 11,9% về trị giá so với quý II/2024; So với quý III/2024 giảm 4,4% về lượng và tăng 6,6% về trị giá. Thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường thuộc khu vực

châu Á. Trong đó xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 42,23% về lượng và chiếm 55,92% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước trong quý III/2025, đạt 2,14 nghìn tấn, trị giá 14,82 triệu USD, giảm 14,8% về lượng và giảm 13,7% về trị giá so với quý II/2025; So với quý III/2024 giảm 13,3% về lượng và giảm 4,6% về trị giá.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Trong quý III/2025, các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu gồm: Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt ếch đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha...; Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Hồng Kông; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là chân gà đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc, Hồng Kông, Lào... Trong đó, xuất khẩu chân gà đông lạnh tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2024.

Trong 9 tháng năm 2025, xuất khẩu các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu của Việt Nam đạt 16,7 nghìn tấn, trị giá 86,54 triệu USD, giảm 0,8% về lượng, nhưng tăng 16,2% về trị giá so với 9 tháng năm 2024.



Hồng Kông, Trung Quốc, Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Xin-ga-po, Tây Ban Nha... là những thị trường xuất khẩu thịt lớn của Việt Nam. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc, Ca-na-đa, Xin-ga-po, Tây Ban Nha tăng trưởng tốt.

Xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam trong những năm gần đây có xu hướng phục hồi và tăng trưởng. Với nhu cầu tiêu thụ thịt tăng cùng với các yếu tố về kiểm soát dịch bệnh... Do đó, cơ hội cho xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng trưởng hơn.

+ Tình hình nhập khẩu:

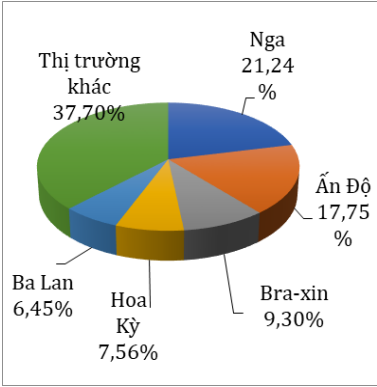
Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, quý III/2025, Việt Nam nhập khẩu 282,34 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 547,49 triệu USD, tăng 19,2% về lượng và tăng 18,2% về trị giá so với quý II/2025, tăng 27,7% về lượng và tăng 15,7% về trị giá so với quý III/2024.

Trong quý III/2025, Ấn Độ, Nga, Bra-xin, Hoa Kỳ, Ba Lan, Đức, Hồng Kông là những thị trường cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt Nam. Trong đó, nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ các thị trường Nga, Bra-xin, Đức, Hồng Kông tăng trưởng mạnh so với quý II/2025 và so với quý III/2024.

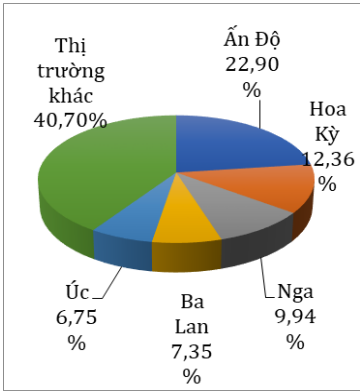
Trong thời gian này, Ấn Độ là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam (tính theo trị giá), đạt 50,1 nghìn tấn, trị giá 182,76 triệu USD, tăng 24,6% về lượng và tăng 28,2% về trị giá so với quý II/2025; So với quý III/2024 giảm 1% về lượng, nhưng tăng 4% về trị giá.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt cho Việt Nam (% tính theo lượng)

Quý III/2025



Quý III/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong quý III/2025, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu gồm: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu tươi đông lạnh; Thịt bò tươi đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt lợn, phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò tăng so với cùng kỳ năm 2024.

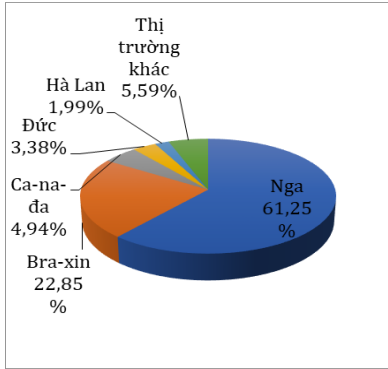
Trong quý III/2025, Việt Nam nhập khẩu 75,2 nghìn tấn thịt lợn, trị giá 134,43 triệu USD, tăng 115,9% về lượng và tăng 44,5% về trị giá so với quý II/2025, tăng 158,3% về lượng và tăng 94,7% về trị giá so với quý III/2024. Nga

là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam với 46,1 nghìn tấn, trị giá 58,44 triệu USD, tăng 195,2% về lượng và tăng 24% về trị giá so với quý II/2025, tăng 395,6% về lượng và tăng 155,6% về trị giá so với quý III/2024.

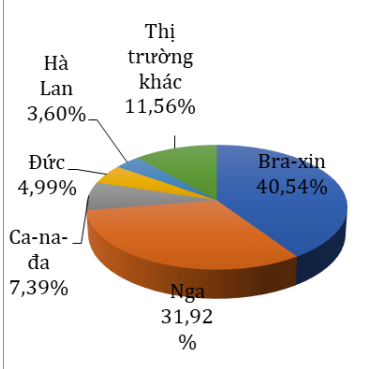
Trong 9 tháng năm 2025, nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam đạt 733,5 nghìn tấn, trị giá 1,44 tỷ USD, tăng 17,4% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với 9 tháng năm 2024. Ấn Độ, Nga, Bra-xin, Hoa Kỳ, Úc, Ca-na-đa, Ba Lan, Đức là những thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt Nam. Trong đó, nhập khẩu từ Nga, Bra-xin tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn cho Việt Nam (Tỷ trọng % tính theo lượng)

Quý III/2025



Quý III/2024



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Trong 8 tháng đầu năm 2024, ngành tôm Ê-cu-a-đo tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt nhờ sự tăng trưởng xuất khẩu tới các thị trường châu Âu và Bắc Mỹ, mặc dù xuất khẩu sang Trung Quốc chậm lại.
- ▶ Ngành nuôi tôm sú của Ấn Độ đang phục hồi với các mô hình nuôi trồng và chuỗi cung ứng đang được cải tiến toàn diện, mở ra triển vọng phát triển bền vững và hướng đến thị trường cao cấp.
- ▶ Trong 9 tháng năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng 5,7% về lượng và tăng 13% về trị giá so với 9 tháng năm 2024.
- ▶ Nhu cầu nhập khẩu thủy sản các thị trường lớn trên thế giới tăng, tạo ra triển vọng cho ngành thủy sản Việt Nam.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Ê-cu-a-đo: Tháng 8/2025, tăng trưởng xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo chậm lại, tăng 3% về lượng và tăng 13% về trị giá so với tháng 8/2024, đạt 107.430 tấn, trị giá 581 triệu USD. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo đạt 934.007 tấn, trị giá 4,9 tỷ USD, tăng 14% về lượng và tăng 23% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Ê-cu-a-đo, đạt 48,412 tấn trong tháng 8/2025, giảm 15% so với tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, lượng tôm xuất khẩu của Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc đạt 460.982 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2024.

Tháng 8, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang EU đạt 23.281 tấn, tăng 30% so với tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang EU ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 34%, đạt 180.645 tấn, tiếp tục khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng chính của ngành tôm Ê-cu-a-đo.

Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ tháng 8/2025 đạt 21.004 tấn, tăng 22% so với tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ đạt 172.437 tấn, tăng 14% so với năm trước. Mức tăng ổn định cho thấy nhu cầu vững vàng từ thị trường này.

Trong bối cảnh thị trường toàn cầu còn nhiều biến động, ngành tôm Ê-cu-a-đo vẫn thể hiện sức bật mạnh mẽ, đặc biệt nhờ sự tăng trưởng xuất khẩu tới các thị trường châu Âu và Bắc Mỹ. Tuy nhiên, xuất khẩu tôm tới Trung Quốc giảm trong tháng 8/2025 cho thấy yêu cầu đa dạng hóa thị trường và cải thiện khả năng thích ứng vẫn là yếu tố then chốt cho ngành trong thời gian tới.

- **Ấn Độ:** Trong năm 2025, ngành nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) tại Ấn Độ đang chứng kiến sự hồi sinh mạnh mẽ, đặc biệt với vai trò dẫn dắt của bang Gujarat. Các mô hình nuôi trồng và chuỗi cung ứng đang được cải tiến toàn diện, mở ra triển vọng phát triển bền vững và hướng đến thị trường cao cấp.

Hai nguồn cung cấp chính cho tôm sú hậu ấu trùng (PL) tại Ấn Độ hiện nay là Unima và Vaishnavi Aquatech. Unima áp dụng mô hình hợp tác mở, phân phối PL qua mạng lưới 13 trại giống đối tác từ giống bố mẹ nhập khẩu từ Madagascar. Trong khi đó, Vaishnavi Aquatech chọn mô hình khép kín với nguồn giống từ Moana Technologies (Hawaii), phát triển thành tôm bố mẹ tại Trung tâm Nhân giống Broodstock (BMC) đặt tại Bharuch, Gujarat.

Vaishnavi hiện là công ty duy nhất tại Ấn Độ sở hữu chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ giống, trại nuôi, nhà máy chế biến đến xuất khẩu. BMC của họ được đánh giá là lớn nhất châu Á, giúp đơn giản hóa logistics và giảm chi phí vận chuyển bằng cách nhập tôm hậu ấu trùng bố mẹ (PPL) thay vì tôm trưởng thành.

Từ góc độ hiệu quả sản xuất, các dòng giống SPF từ cả Unima và Vaishnavi đều cho

năng suất vượt trội so với tôm sú tự nhiên trước đây. Dòng giống của Vaishnavi tăng trưởng nhanh hơn nhưng tỷ lệ sống thấp hơn, trong khi giống của Unima phát triển chậm hơn nhưng khỏe mạnh và thích nghi tốt hơn ở mật độ cao.

Trong năm 2025, tổng sản lượng PL tôm sú tại Ấn Độ đạt khoảng 2,7–2,8 tỷ con, trong đó Unima và các đối tác chiếm 70% thị phần. Sau sự cố chất lượng năm 2024, Vaishnavi đang lấy lại niềm tin của nông dân với lô PL cải thiện rõ rệt trong năm 2025.

Về thị trường, xuất khẩu tôm sú Ấn Độ đang tăng mạnh từ tháng 7/2025 sau giai đoạn chậm đầu năm do nông dân thả giống muộn. Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu chủ lực nhờ điều kiện thanh toán thuận lợi và nhu cầu cao đối với sản phẩm tươi sống, tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ thu hoạch sống và cấp đông nhanh. Các công ty như Abad Overseas và Vaishnavi đang dẫn đầu xu hướng cung ứng sản phẩm cao cấp cho thị trường châu Âu và Trung Quốc.

Gujarat đang nổi lên như trung tâm sản xuất tôm sú cỡ lớn hàng đầu thế giới. Khí hậu đặc thù cho phép nuôi một vụ mỗi năm, tạo điều kiện lý tưởng cho tôm đạt kích thước lớn (U15) với chất lượng vượt trội. Khu vực này có độ mặn và môi trường nước thuận lợi, ít bệnh, không dùng kháng sinh, và nuôi ở mật độ thấp. Quy mô sản xuất hiện tại đạt khoảng 25.000 tấn/năm và có thể tăng lên 40.000 tấn.

Sự hồi sinh của tôm sú Ấn Độ sẽ còn tiếp tục nếu được hỗ trợ bởi chiến lược phát triển

thị trường bài bản, đa dạng hóa điểm đến và tiếp cận các vùng nuôi mới có độ mặn thấp như nội địa Andhra Pradesh. Nếu các thỏa thuận thương mại mới được thiết lập, đặc biệt với Hoa Kỳ, ngành có thể đạt mốc 75.000–100.000 tấn xuất khẩu trong 3–5 năm tới.

GIÁ NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC

* Giá nguyên liệu tôm tại một số tỉnh biến động như sau:

+ Tại Phú Yên: Trong những ngày cuối tháng 10/2025, giá nguyên liệu tôm sú ổn định so với những ngày cuối tháng 9/2025, riêng giá tôm thẻ giảm, cụ thể: Giá tôm sú cỡ 50 con/kg ở mức 220.000 đồng/kg; Cỡ 40 con/kg ở mức 250.000 đồng/kg; Cỡ 30 con/kg ở mức 300.000 đồng/kg.

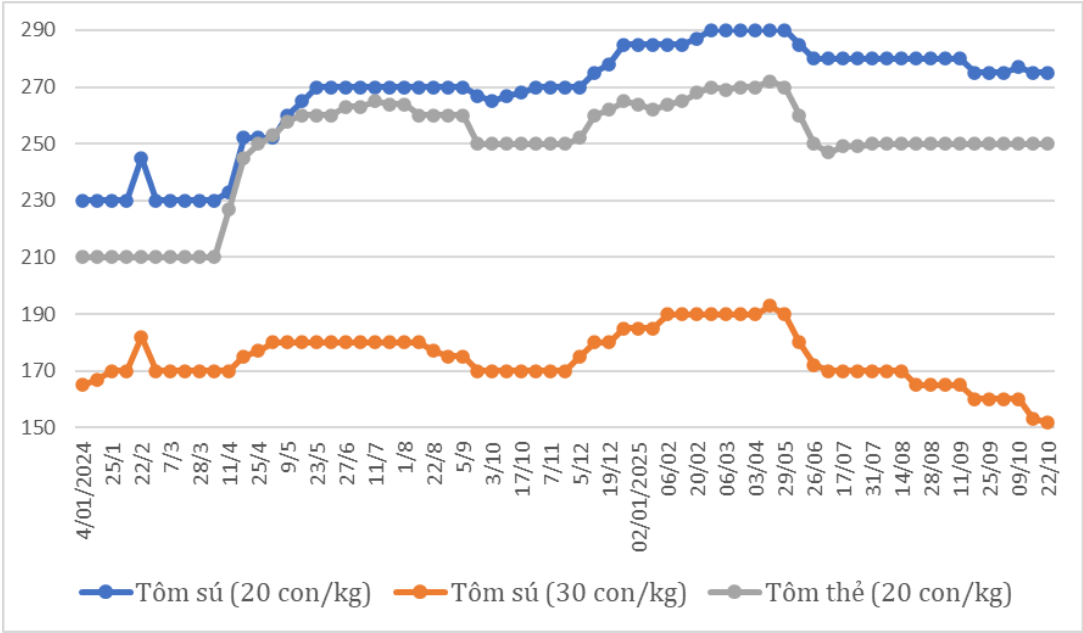
Tuy nhiên, giá nguyên liệu tôm thẻ cỡ 100 con/kg giảm 2.000 đồng/kg, ở mức 100.000 đồng/kg.

+ Tại Quảng Trị: Những ngày cuối tháng 10/2025, giá nguyên liệu tôm ổn định so với những ngày cuối tháng 9/2025, trong đó: Giá

tôm đất cỡ 40 - 50 con/kg đạt 400.000 đồng/kg; Tôm bộp cỡ 45 - 50 con/kg đạt 420.000 đồng/kg; Tôm sú cỡ 20 - 30 con/kg đạt 430.000 đồng/kg; Tôm hùm cỡ 3 - 5 con/kg đạt 1.250.000 đồng/kg; Tôm thẻ cỡ 30 - 40 con/kg đạt 240.000 đồng/kg.

+ Tại Cà Mau: Trong những ngày cuối tháng 10/2025, giá nguyên liệu tôm sú cỡ 20 con/kg đạt 275.000 đồng/kg, ổn định; Tôm sú cỡ 30 con/kg đạt 152.000 đồng/kg, giảm 8.000 đồng/kg; Tôm thẻ cỡ 20 con/kg đạt 250.000 đồng/kg, ổn định so với những ngày cuối tháng 9/2025.

Giá nguyên liệu tôm tại Cà Mau từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: đồng/kg)



Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

* Giá mực, cá thu, cá ngừ tại Đà Nẵng:

Trong những ngày cuối tháng 10/2025, giá nguyên liệu mực ống Loại 1 (>20cm) đạt mức 220.000 đồng/kg, ổn định; Giá mực ống loại 2 (<20cm) ở mức 180.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 9/2025.

Giá nguyên liệu cá thu Loại 1 đạt 190.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg; Loại 2 đạt 170.000 đồng/kg, ổn định so với những ngày cuối tháng 9/2025.

Giá nguyên liệu cá ngừ Loại 1 đạt 70.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg; Loại 2 đạt 40.000 đồng/kg, ổn định so với cuối tháng 9/2025.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

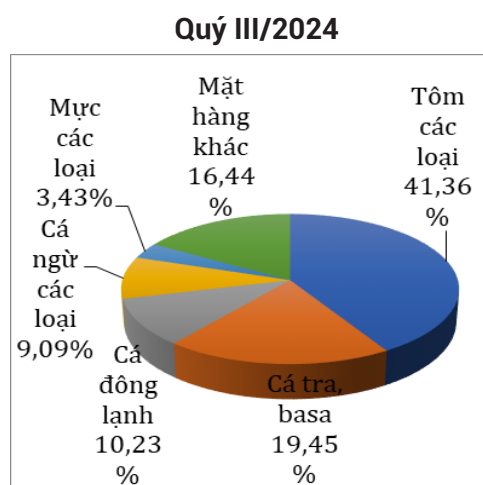
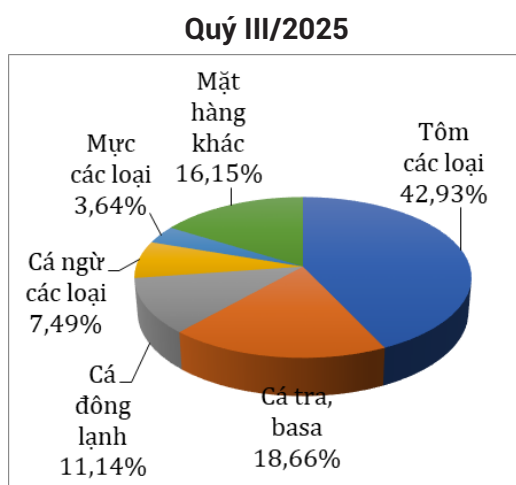
Theo tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam quý III/2025 đạt 671,02 nghìn tấn, trị giá 3,05 tỷ USD, tăng 7,8% về lượng và tăng 9,1% về trị giá so với quý II/2025, tăng 2,7% về lượng và tăng 8,5% về trị giá so với quý III/2024. Trong quý III/2025, xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản tăng trưởng so với quý II/2025 và quý III/2024 như: Cá tra, basa; Cá đông lạnh; Chả cá; Bạch tuộc.

Tính chung 9 tháng năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,8 triệu tấn, trị giá 8,16 tỷ USD, tăng 5,7% về lượng và tăng 13% về trị giá so với 9 tháng năm 2024. Xuất khẩu

tôm các loại, mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn nhất tính theo trị giá, tăng 44,1% về lượng và tăng 28,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Bên cạnh đó, xuất khẩu nhóm cá đông lạnh, mực, chả cá, cua, nghêu tăng trưởng đóng góp vào kết quả xuất khẩu trong 9 tháng năm 2025.

Xuất khẩu thủy sản thời gian tới cũng sẽ đối mặt nhiều thách thức, do các rào cản về thuế quan, rào cản kỹ thuật và các quy định quốc tế, đặc biệt là tại thị trường Hoa Kỳ... Do đó, các doanh nghiệp cần đa dạng hóa thị trường, tập trung vào các sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng cao và giải quyết các vấn đề về thẻ vàng IUU và thuế chống bán phá giá...

Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu Việt Nam (Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam quý III/2025 và 9 tháng năm 2025

Mặt hàng	Quý III/2025		So với quý III/2024 (%)		9 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	671.023	3.056.280	2,7	8,5	1.809.221	8.169.380	5,7	13,0
Tôm các loại	135.702	1.311.919	4,3	12,6	461.259	3.599.730	44,1	28,9
Cá tra, basa	265.271	570.168	4,0	4,1	636.338	1.473.035	-7,7	-0,4
Cá đông lạnh	72.538	340.388	6,9	18,1	189.633	885.542	6,6	10,7
Cá ngừ các loại	47.219	228.907	-13,0	-10,6	128.220	640.506	-15,0	-12,0
Mực các loại	17.784	111.283	11,6	15,2	48.043	292.035	16,5	15,9
Chả cá	43.247	90.803	12,4	21,2	107.398	231.233	5,0	14,2
Cua các loại	6.466	77.901	-24,4	1,3	20.447	201.468	13,2	17,4
Cá khô	22.337	74.464	-6,2	-5,6	60.458	206.231	1,7	-7,1
Bạch tuộc các loại	13.295	90.627	16,0	19,2	29.445	199.185	-3,5	-3,7
Nghêu các loại	17.615	30.172	4,6	10,2	45.418	92.590	5,6	29,5
Ghẹ các loại	1.892	27.571	-14,4	7,7	4.266	51.716	-17,8	-9,7
Mặt hàng khác	27.657	102.080	-5,1	-1,2	78.296	296.108	5,2	20,4

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

9 tháng đầu năm 2025, nhu cầu tiêu thụ thủy sản của nhiều thị trường lớn đều tăng như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, nhập khẩu thủy sản vào EU từ các thị trường ngoại khối 7 tháng đầu năm 2025 đạt 20,2 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU từ các thị trường ngoại khối chiếm 3,16% trong 7 tháng đầu năm 2025.

Theo số liệu thống kê từ NMFS (Cơ quan Dịch vụ Thủy sản Quốc gia - National Marine Fisheries Service của Hoa Kỳ), trong 7 tháng đầu năm 2025, thị trường Hoa Kỳ nhập khẩu thủy sản đạt trên 16,55 tỷ USD, tăng 12,33%

so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ chiếm 6,53% trong 7 tháng đầu năm 2025.

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 9 tháng năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu thủy sản đạt 14,29 tỷ USD, tăng 10,51% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu thủy sản vào Trung Quốc chiếm 8,39% trong 9 tháng năm 2025.

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, trong 8 tháng đầu năm 2025, Nhật Bản nhập khẩu thủy sản đạt 8,4 tỷ USD, tăng 1,36% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu

thủy sản vào Nhật Bản chiếm 8,57% trong 8 tháng năm 2025. khẩu thủy sản vào thị trường Hàn Quốc chiếm 13,78% trong 9 tháng năm 2025.

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 9 tháng năm 2025, Hàn Quốc nhập khẩu thủy sản đạt 4,38 tỷ USD, tăng 10,19% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng trị giá nhập Qua số liệu nhận thấy, nhập khẩu thủy sản của các thị trường lớn vẫn có xu hướng tăng, tạo thuận lợi cho thủy sản Việt Nam tăng thị phần hơn nữa tại các thị trường này trong thời gian tới.

5 thị trường nhập khẩu thủy sản lớn trên thế giới những tháng đầu năm 2025

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới năm 2025 (Triệu USD)			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Thị phần NK từ Việt Nam các tháng năm 2025 (%)		
	7 tháng	8 tháng	9 tháng	7 tháng	8 tháng	9 tháng	7 tháng	8 tháng	9 tháng
Hoa Kỳ	16.554			12,33			6,53		
EU (từ ngoại khối)	20.201			7,7			3,16		
Trung Quốc			14.298			10,51			8,39
Nhật Bản		8.409			1,36			8,57	
Hàn Quốc			4.380			10,19			13,78

Nguồn: Eurostat, NMFS, Cơ quan Hải quan Nhật Bản, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Cơ quan Hải quan Hàn Quốc
Tỷ giá: 1 EUR = 1,1663 USD; 1 JPY = 0,00676 USD

Lưu ý:
Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.